

Bản án số: 72/2019/HS-ST  
Ngày: 22-10-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Đoàn Văn Đây

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Hà Vân - Thư ký TAND tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Phan Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở TAND tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

**1. Vũ Vương Khánh T (tên gọi khác: T1)**, sinh ngày 06/3/1985 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: khu phố X, phường T2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở: khu phố X, phường T2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Nhân viên Quỹ tín dụng nhân dân Thái Bình; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Công L, sinh năm 1955; và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1961; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt giam ngày 28/11/2017. (Có mặt).

**2. Hoàng Thị T4**, sinh ngày 11/3/1983 tại tỉnh Phú Thọ; HKTT: xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: A677 tổ 16 khu phố 1, phường L2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Nhân viên kế toán Quỹ tín dụng nhân dân Thái Bình; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Hữu D, sinh năm 1960; và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1960; Bị cáo có chồng tên Phạm Văn H1, sinh năm

1980, có 01 con sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

**3. Nguyễn Thị Thanh T5**, sinh ngày 28/7/1978 tại tỉnh Đồng Nai; HKTT: cư xá P, phường P2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: tổ X1, khu phố X2, phường T6, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Nhân viên thủ quỹ Quỹ tín dụng nhân dân Thái Bình; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1931; và bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1947; Bị cáo có chồng tên Hà Văn H2, có 02 con sinh năm 2009 và 2015. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

- **Nguyên đơn dân sự:** Quỹ tín dụng nhân dân Thái Bình.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lưu Đức V, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố X2, phường T7, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lưu Thị Xuân L1, sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: khu phố X1, phường L2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Ngô Vũ Xuân B2, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ X2, ấp X3, xã T7, huyện V1, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1961.(có mặt)

Địa chỉ: khu phố X, phường T2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà T3:* Luật sư Trương Hồng Kỳ.(có mặt)

Địa chỉ: đường X4, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Văn bản ủy quyền ngày 28/6/2019.

4. Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Ánh D1(có mặt)

Ông Bùi Thế T8 (có mặt)

Địa chỉ: Đường T9, Phường B, quận X4, thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Vũ Văn B4, sinh năm 1954.(vắng mặt)

6. Bà Trần Thị C.(có mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố X5, phường T7, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông B4, bà C: ông Từ Ngọc C1, sinh năm 1978.(có mặt)*

Địa chỉ: đường H3, phường Q1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo T: Luật sư Cao Đức Nhuận, Luật sư Vũ Minh Thành, thuộc Văn phòng luật sư Cao Đức Nhuận, Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.(có mặt)*

- *Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo T4, T5: Luật sư Vũ Văn Tăng, thuộc Văn phòng luật sư Vũ Tăng, Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.(có mặt)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Quỹ tín dụng nhân dân Thái Bình là tổ chức tín dụng hợp tác hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Quy chế hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân Thái Bình và các văn bản quy phạm pháp luật khác. Quỹ được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 04/NH-GP ngày 02/3/1994 và Quyết định bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động số 035/QĐ-NHNN ngày 31/3/2006 của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Đồng Nai; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 250462 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20/4/1998; thay đổi lần thứ 2 ngày 27/6/2012. Quỹ tín dụng nhân dân Thái Bình có trụ sở hoạt động tại số 61/1 Quốc lộ I, khu phố X2, phường T7, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Địa bàn hoạt động tại phường T7, phường T2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Hội đồng quản trị gồm có: Lưu Thị Xuân L1 - chủ tịch hội đồng quản trị; Vũ Công L - thành viên; Nguyễn Trung H4 - thành viên; Ban kiểm soát gồm: Ngô Vũ Xuân B2 - trưởng ban kiểm soát; Nguyễn Thị Liễn - thành viên; Vũ Ngọc R - thành viên; ban điều hành do Vũ Công L làm giám đốc; các cán bộ, nhân viên khác gồm: Nguyễn Trung H4 - cán bộ tín dụng, Ngô Xuân C2 - cán bộ tín dụng; Vũ Ngọc R- cán bộ tín dụng, Hoàng Thị T4 - kế toán trưởng; Nguyễn Thị Thanh T5 - thủ quỹ; Vũ Vương Khánh T - nhân viên tin học.

Trong quá trình điều hành, từ năm 2014 đến tháng 3/2017, Vũ Công L đã thực hiện hành vi lấy tiền trong kho quỹ, thu lãi các khoản vay, nhưng không nộp tiền vào kho quỹ. Để chiếm đoạt số tiền trên, L đã chỉ đạo Vũ Vương Khánh T, Hoàng Thị T4 và Nguyễn Thị Thanh T5 lập hợp đồng tín dụng vay vốn giả

bằng cách, L cung cấp tên, tuổi, địa chỉ, chứng minh nhân dân những người không có nhu cầu vay vốn cho Vũ Vương Khánh T (con ruột của L) để T ghi tất cả các thông tin trên hợp đồng tín dụng, giả chữ ký của người đứng tên vay, sau đó đưa cho L ký phê duyệt với chức danh giám đốc, rồi đưa cho Hoàng Thị T4 vào sổ hợp đồng tín dụng, lập phiếu thu lãi, ký với chức danh là kế toán vào hồ sơ tín dụng giả, Nguyễn Thị Thanh T5 ký vào mục thủ quỹ trên phiếu thu của hợp đồng tín dụng giả. Số tiền vay trên hợp đồng tín dụng giả từ 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) đến 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) tương ứng với số tiền mà L đã chiếm đoạt của quỹ tín dụng, nếu số tiền trên hợp đồng tín dụng giả cao hơn số tiền mà L đã lấy của Quỹ thì L yêu cầu thủ quỹ xuất thêm tiền đưa cho L, để L biến số tiền mình chiếm đoạt của quỹ bằng một hợp đồng tín dụng vay giả. Sau đó, L yêu cầu T5 hạch toán vào sổ nhật ký quỹ; T4 và T hạch toán các khoản vay giả vào hệ thống sổ sách kế toán và báo cáo gian dối trên hệ thống phần mềm máy vi tính để Ngân hàng nhà nước Chi nhánh Đồng Nai không phát hiện được. Với thủ đoạn như trên, từ năm 2014 đến năm tháng 3/2017, Vũ Công L đã chiếm đoạt của Quỹ tín dụng nhân Thái Bình số tiền 52.458.000.000đ (Năm mươi hai tỉ bốn trăm năm mươi tám triệu đồng) với 252 (Hai trăm năm mươi hai) bộ hồ sơ tín dụng giả. Trong đó, Vũ Vương Khánh T, đã giúp sức cho L lập giả 252 (Hai trăm năm mươi hai) bộ hồ sơ tín dụng, bằng cách ghi thông tin giả lên hợp đồng tín dụng; theo dõi các hồ sơ tín dụng giả để lập phiếu thu lãi không, sau đó in ra để kế toán, thủ quỹ ký không vào mục kế toán, thủ quỹ; thực hiện báo cáo, truyền báo cáo gian dối lên hệ thống phần mềm để L chiếm đoạt số tiền 52.458.000.000 đồng (Năm mươi hai tỉ bốn trăm năm mươi tám triệu đồng). Quá trình điều tra, T không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, nhưng căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của T. Đối với Hoàng Thị T4, Nguyễn Thị Thanh T5 mặc dù biết L làm giả hồ sơ tín dụng để chiếm đoạt tiền của quỹ tín dụng, nhưng có hành vi ký không vào mục kế toán, thủ quỹ; lấy sổ hợp đồng giả; ký không vào phiếu thu lãi giả; báo cáo kế toán gian dối giúp sức cho L lập giả 224 (Hai trăm hai mươi bốn) bộ hồ sơ tín dụng để L chiếm đoạt số tiền 44.758.000.000đ (Bốn mươi bốn tỉ bảy trăm năm mươi tám triệu đồng).

Quá trình điều tra, Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) tiếp nhận nghĩa vụ nợ của quỹ tín dụng nhân dân Thái Bình, thông qua việc ký T4 thuận khung việc nhận chuyển nhượng quyền thụ hưởng đối với các sổ tiết kiệm, khoản tiền của người gửi tiền tại quỹ tín dụng nhân dân

Thái Bình. Đến ngày 17/8/2018, Ngân hàng Techcombank đã chi trả cho người gửi tiền tại quỹ tín dụng nhân dân Thái Bình tổng cộng 160 (Một trăm sáu mươi) sổ tiết kiệm với tổng số tiền 48.202.754.300đ (Bốn mươi tám tỉ hai trăm lẻ hai triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm đồng). Số khách hàng chưa chi trả là 6 sổ tiết kiệm của 03 người với số tiền 472.439.600đ (Bốn trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm đồng) với lý do đang định cư tại nước ngoài.

Vật chứng thu giữ: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Sony (Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai tiếp tục tạm giữ để phục vụ điều tra), 163 (Một trăm sáu mươi ba) tờ giấy viết tay (lưu trong hồ sơ vụ án): 6.757 (Sáu ngàn bảy trăm năm mươi bảy) tờ tài liệu viết tay đã giao cho Ban kiểm soát đặc biệt Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Đồng Nai; 03 Ổ Cứng hiệu Seagate, 02 đĩa CD (đã trao trả cho bị can T); 02 (Hai) thửa đất đã kê biên thuộc sở hữu của Vũ Công L và bà Nguyễn Thị T3; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Mobell đã trao trả cho bị can T do không liên quan đến hành vi phạm tội; 04 (Bốn) tập học sinh có nội dung ghi theo dõi tên tài khoản và số hợp đồng tín dụng của khách hàng thực vay tại Quỹ tín dụng nhân dân Thái Bình (lưu trong hồ sơ vụ án); 02 (Hai) giấy nhận nợ số 01/HT016/99 ngày 14/11/2016 và số 01/HT016/106 ngày 20/01/2017 do Ngân hàng hợp tác chi nhánh Đồng Nai lập; 01 (một) đơn đề nghị cấp khóa bảo mật hệ thống quản lý Quỹ tín dụng nhân dân gửi Ngân hàng nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai ngày 23/7/2013 (đã giao cho Ban kiểm soát đặc biệt Ngân hàng nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai quản lý); 01 (Một) quyển vở và 25 (Hai mươi lăm) tờ lịch được lưu trong hồ sơ vụ án; 01 (Một) USB (lưu trong hồ sơ vụ án).

Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị can Vũ Công L phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt và số tiền thực tế Quỹ tín dụng thiếu hụt so với sổ sách kế toán.

Tiếp tục kê biên 02 thửa đất thuộc quyền sở hữu của Vũ Công L theo lệnh kê biên tài sản số 01/LKBTS ngày 30/10/2017 của Cơ quan An ninh điều tra để đảm bảo thi hành án.

Tại các Kết luận giám định số 3782/C54B; số 3783/C54B; số 3784/C54B; số 3785/C54B; số 3786/C54B; số 3787/C54B; số 3790/C54B; số 3788/C54B; số 3789/C54B; số 3791/C54B; số 3792/C54B; số 624/C54B; số 625/C54B; số

626/C54B; số 627/C54B; số 628/C54B; số 629/C54B; số 630/C54B; số 631/C54B; số 632/C54B; số 633/C54B; số 634/C54B; số 635/C54B của Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chữ ký dưới mục giám đốc, Thủ quỹ, Kế toán và chữ viết trên các hợp đồng là do một người ký và viết ra. (Bút lục số: 2024 – 2026, 2032 – 2034).

Tại kết luận giám định số 577/KLGD ngày 15/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Chữ ký không ghi họ và tên tại phần mục Người nộp tiền trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (được phòng PC 54 đóng dấu ký hiệu từ A1 đến A3) với chữ ký mang tên Vũ Vương Khánh T trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (được phòng PC 54 đóng dấu ký hiệu từ M1 đến M10) do cùng một người ký ra.

Tại kết luận giám định số 277/KLGD ngày 01/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

1.Chữ viết mực bút bi màu xanh (loại trừ chữ viết đượ đóng khung bằng mực bút bi màu đỏ) trên các tài liệu nêu ở phần Mẫu cần giám định (được phòng PC 54 đóng dấu kí hiệu A1, A2, từ A 4 đến A10) với chữ viết tương ứng trên các tài liệu nêu ở phần Mẫu so sánh (được phòng PC 54 đóng dấu ký hiệu M6, M7, M8) do cùng một người viết ra.

2.Chữ viết mực bút bi màu xanh được đóng khung bằng mực bút bi màu đỏ trên các tài liệu nêu ở phần Mẫu cần giám định (được phòng PC 54 đóng dấu kí hiệu A1 đến A10) với chữ viết tương ứng trên các tài liệu nêu ở phần Mẫu so sánh (được phòng PC 54 đóng dấu ký hiệu M3) do cùng một người viết ra.

Đối với số tiền quỹ thực tế bị mất là 2.690.876.310 đồng (Hai tỉ sáu trăm chín mươi triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm mười đồng) so với sổ sách kế toán, là do Vũ Công L thu lãi các khoản vay có thật, nhưng không nộp tiền mặt vào Quỹ; Chi trả lãi tiền gửi ngoài quy định, không hạch toán sổ sách kế toán; Chi tạm ứng trả một phần gốc và lãi cho khách hàng, chưa hạch toán sổ sách kế toán; Chi tạm ứng lương cho Giám đốc và cán bộ tin học, không hạch toán sổ sách kế toán; Chi tạm ứng cho luật sư không có chứng từ, nên L phải chịu trách nhiệm về toàn bộ số tiền này.

Đối với Lưu Thị Xuân L1 trú tại khu phố X1, phường L2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng; Ngô Vũ Xuân B2 trú tại số KP 2, phường T7, thành phố B, là Trưởng Ban kiểm soát Quỹ tín dụng, nhưng đã không thực hiện hết đầy đủ trách nhiệm, để Vũ Công L thao túng thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, xét thấy hành vi của L1, B2 là do cơ cấu tổ

chức kém, năng lực quản lý không có để L thao túng, không biết mục đích chiếm đoạt của L, nên không xử lý hình sự đối với L1 và B2.

Tại Cáo trạng số 23/CT-VKS-P1 ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố các bị cáo Vũ Vương Khánh T, Hoàng Thị T4, Nguyễn Thị Thanh T5 về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xử phạt các bị cáo T từ 11 năm đến 12 năm tù; bị cáo T4, bị cáo T5 từ 04 năm đến 05 năm tù.

- Các Luật sư Cao Đức Nhuận, Vũ Minh Thành bào chữa cho bị cáo Vũ Vương Khánh T thống nhất với quan điểm truy tố của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về tội danh và điều luật áp dụng. Tuy nhiên, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T ngoài những tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đã nêu thì bị cáo phạm tội trong tình trạng thụ động và hoàn toàn lệ thuộc vào cha ruột mình là ông Vũ Công L. Do đó các Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt bởi bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b,p khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Ngoài ra, Luật sư Thành còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đối với hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng của bà Lưu Thị Xuân L1 và ông Ngô Vũ Xuân B2 trong việc để xảy ra hậu quả nghiêm trọng trên nhằm tránh bỏ lọt tội phạm, đáp ứng công tác phòng chống tội phạm.

Luật sư Vũ Văn Tăng bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị T4, Nguyễn Thị Thanh T5 thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về tội danh và điều luật áp dụng. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ được Viện kiểm sát nêu ra Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho 02 bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như phạm tội trong tình trạng lệ thuộc, các bị cáo không biết những hồ sơ ông L đưa là hồ sơ giả và không được hưởng lợi từ những hồ sơ đó, gia đình các bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, các bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để giải quyết vụ án, bị cáo T4 đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, do đó đề nghị xem xét giảm nhẹ cho 02 bị cáo.

Đối với hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng của bà Lưu Thị Xuân L1 và ông Ngô Vũ Xuân B2 Luật sư Tăng đề nghị không cần thiết phải xem xét trách nhiệm vì những người này đều lệ thuộc vào ông Vũ Công L.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật đối với bị cáo, bị cáo đã được nhận đầy đủ Kết luận điều tra, cáo trạng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo quyền được Luật sư bào chữa, tại phiên tòa, bị cáo cũng không khiếu nại thắc mắc gì.

[2] Vũ Công L là Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân Thái Bình, trong thời gian từ năm 2014 đến tháng 3/2017 Vũ Công L đã lợi dụng công việc, quyền hạn của mình yêu cầu Nguyễn Thị Thanh T5 (thủ quỹ) lấy tiền trong kho Quỹ tín dụng đưa cho bị can L sử dụng cá nhân, thu lãi các khoản vay nhưng không nộp tiền vào kho quỹ theo quy định nhằm chiếm đoạt số tiền trên. Để thực hiện L chỉ đạo cho Vũ Vương Khánh T (con trai ruột và là nhân viên tin học tại Quỹ), Hoàng Thị T4 (kế toán trưởng) và Nguyễn Thị Thanh T5 (thủ quỹ), lập hợp đồng tín dụng giả để L hợp thức hóa số tiền đã lấy của quỹ trước đó. Khi thực hiện, L tự cung cấp tên, tuổi, địa chỉ của những người không có nhu cầu vay vốn đưa cho T để T viết thông tin người vay vào hợp đồng tín dụng, T ký giả chữ ký người vay rồi đưa cho L ký duyệt với chức danh giám đốc, sau đó T đưa cho T4, T5 ký vào mục kế toán, thủ quỹ.

Trong vụ án này Vũ Công L là người chủ mưu, lập giả 252 (Hai trăm năm mươi hai) bộ hồ sơ tín dụng để chiếm đoạt số tiền 52.458.000.000 đồng (Năm mươi hai tỉ bốn trăm năm mươi tám triệu đồng) của Quỹ tín dụng nhân dân Thái Bình. Vũ Vương Khánh T là người giúp sức tích cực cho Vũ Công L, lập giả 252 (Hai trăm năm mươi hai) bộ hồ sơ tín dụng, bằng cách viết thông tin lên hợp đồng tín dụng và ký giả chữ ký người đi vay; theo dõi các hồ sơ tín dụng giả trên máy vi tính để lập phiếu thu không; báo cáo kế toán gian dối, để **giúp sức cho** L chiếm đoạt toàn bộ số tiền **trên**. Trong số 252 bộ hồ sơ tín dụng giả **nêu** trên. Các bị cáo Hoàng Thị T4, Nguyễn Thị Thanh T5 đã giúp sức cho Vũ Công L lập giả 224 (Hai trăm hai mươi bốn) bộ hồ sơ tín dụng bằng cách lập phiếu thu lãi không, vào sổ hợp đồng cho các hồ sơ tín dụng giả, rồi hoạch toán, báo cáo kế toán gian dối, để **tạo điều kiện** cho L chiếm đoạt số tiền 44.758.000.000đ (Bốn mươi bốn tỉ bảy trăm năm mươi tám triệu đồng). Với hành vi phạm tội nêu trên, các bị cáo Vũ Vương Khánh T, Hoàng Thị T4 và Nguyễn Thị Thanh T5 đã bị

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo **quy định tại** khoản 4 Điều 175 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại cho quỹ tín dụng Thái Bình với số tiền **trên** 50 tỷ đồng là rất lớn, gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động tín dụng trên địa bàn tỉnh, gây hoang mang lo lắng cho người dân và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do đó cần có mức hình phạt phù hợp, tương xứng để cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Khi lượng hình, HĐXX xem xét các bị cáo đều có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự); trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do lệ thuộc và thiếu hiểu biết, nhận thức pháp luật hạn chế, các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, toàn bộ số tiền chiếm đoạt do bị can Vũ Công L sử dụng (các bị cáo không được hưởng lợi), quá trình điều tra các bị cáo Hoàng Thị T4, bị cáo Nguyễn Thị Thanh T5 đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo T4 đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, bị cáo T là con ruột của bị can Vũ Công L. Bị cáo T tuy không phải là người được hưởng lợi và chiếm đoạt tiền nhưng trong giai đoạn xét xử đã tác động gia đình nộp khắc phục hậu quả số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) cho bị can Vũ Công L là thể hiện sự ăn năn, hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s , t khoản 1 , khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) áp dụng đối với các bị cáo T4, T5; áp dụng điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) đối với bị cáo T và Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo là có cơ sở.

Ngoài ra, tài liệu trong hồ sơ còn thể hiện bà Lưu Thị Xuân L1 là chủ tịch Hội đồng quản trị của Quỹ tín dụng Thái Bình từ năm 2012 đến 2017; ông Ngô Vũ Xuân B2 là Trưởng ban kiểm soát của Quỹ Tín dụng Thái Bình từ năm 2012 nhưng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đã không thực hiện đúng trách nhiệm được giao để cho bị can Vũ Công L lập khống, hợp thức hóa hồ sơ vay vốn trái quy định trong một thời gian dài, chiếm đoạt số tiền hơn 52.000.000.000 đồng là rất lớn. Ngày 06/6/2019, Hội đồng xét xử đã quyết định trả hồ sơ điều tra bổ

sung (số 07/2019/HSST-QĐ) để yêu cầu làm rõ hành vi này của bà L1 và ông B2, nhưng VKSND tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên quan điểm (Văn bản số 768/CV-VKS-P1 ngày 03/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai). Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý trách nhiệm đối với bà Lưu Thị Xuân L1 và ông Ngô Vũ Xuân B2 theo quy định pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Toàn bộ số tiền thiệt hại thực tế tại Quỹ tín dụng nhân dân Thái Bình được cơ quan điều tra xác định là 52.458.000.000đ (Năm mươi hai tỉ bốn trăm năm mươi tám triệu đồng) do bị can Vũ Công L chiếm đoạt. Do đó buộc bị can Vũ Công L phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền trên cho Quỹ tín dụng Thái Bình. Tại phiên tòa đại diện Quỹ tín dụng nhân dân Thái Bình yêu cầu Tòa án buộc bị can Vũ Công L bồi thường số tiền 77.000.000.00 (bảy mươi bảy tỷ đồng) bao gồm cả gốc và lãi là không phù hợp nên không được chấp nhận.

Tiếp tục kê biên 02 thửa đất thuộc quyền sở hữu của bị can Vũ Công L theo lệnh kê biên tài sản số 01/LKBTS ngày 30/10/2017 của Cơ quan An ninh điều tra để đảm bảo thi hành án, bao gồm:

- Thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39, phường Hồ Nai, được Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH920777 ngày 12/3/2007 cho ông Vũ Công L và bà Nguyễn Thị T3.

- Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 42, phường T2, được Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CC761495 ngày 22/6/2017 cho ông Vũ Công L và bà Nguyễn Thị T3.

(theo lệnh kê biên tài sản số 01/LKBTS ngày 30/10/2017 của Cơ quan An ninh điều tra để đảm bảo thi hành án)

Đối với yêu cầu của đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam (Techcombank) đề nghị buộc bị can Vũ Công L trả lại số tiền Ngân hàng đã cho Quỹ tín dụng nhân dân Thái Bình vay để trả lại cho người dân và Ngân hàng được nhận tài sản đã kê biên của bị can Vũ Công L cũng như số tiền gia đình bị cáo T đã nộp khắc phục hậu quả. Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ dân sự khác giữa Ngân hàng Techcombank với Quỹ tín dụng nhân dân Thái Bình nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc không xem xét đã xử lý trách nhiệm của bà Lưu Thị Xuân L1 và ông Ngô Vũ Xuân B2 vì không thực hiện đúng trách nhiệm được giao để cho bị can Vũ Công L lập khống, hợp thức hóa hồ sơ vay vốn trái quy định trong một thời gian dài, chiếm đoạt số tiền 52.458.000.000đ (Năm mươi hai tỉ bốn trăm năm mươi tám triệu đồng) là không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[6] Quan điểm của các Luật sư bào chữa cho bị cáo T phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo T4, T5 về nhân thân, về các tình tiết giảm nhẹ là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Riêng đối với quan điểm của Luật sư đề nghị không xem xét xử lý trách nhiệm đối với bà Lưu Thị Xuân L1 và ông Ngô Vũ Xuân B2 không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[8] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Tuyên bố các bị cáo Vũ Vương Khánh T, Hoàng Thị T4, Nguyễn Thị Thanh T5 phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt:

- Bị cáo Vũ Vương Khánh T 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/11/2017.

3. Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 ; Điều 58 Bộ Luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt:

- Bị cáo Hoàng Thị T4 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T5 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

4. Tiếp tục kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà Lưu Thị Xuân L1 và ông Ngô Vũ Xuân B2 về hành vi “thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” trong vụ án.

5. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ Luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 357, 468, 584, 585, 589 Bộ Luật dân sự 2015.

Buộc bị can Vũ Công L phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt 52.458.000.000đ (năm mươi hai tỷ bốn trăm năm mươi tám triệu đồng) là thiệt hại thực tế cho Quỹ tín dụng nhân dân Thái Bình. Trừ đi số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) bà Nguyễn Thị T3 (vợ bị can Vũ Công L, mẹ bị cáo Vũ Vương Khánh T) nộp khắc phục hậu quả theo biên lai thu tiền số 001511 ngày 08/10/2019. Bị can L phải tiếp tục bồi thường số tiền 50.458.000.000đ (Năm mươi tỷ bốn trăm năm mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền T4 thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Tiếp tục kê biên:

- Thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39, phường Hồ Nai, được Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH920777 ngày 12/3/2007 cho ông Vũ Công L và bà Nguyễn Thị T3.

- Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 42, phường T2, được Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CC761495 ngày 22/6/2017 cho ông Vũ Công L và bà Nguyễn Thị T3.

(theo lệnh kê biên tài sản số 01/LKBTS ngày 30/10/2017 của Cơ quan An ninh điều tra để đảm bảo thi hành án)

5. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo luật định. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo

trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- PV 27, Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai;
- THAHS - THADS tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo - Trại giam B5;
- Đương sự;
- Lưu (3).

**Lê Hồng Hương**